

The Judas touch

Sean
O'Foulain

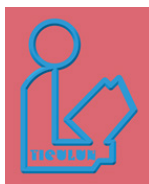
Củ chạm của Judas

Truyện ngắn song ngữ



The Judas touch **Cú chàm của Judas**

Seán Ó Faoláin



Paris * 09.2025

Chuyển ngữ : *Ban Tuyển đọc TVTL*

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

The Judas touch
Cú chạm của Judas

SEÁN Ó FAOLÁIN

‘Mummy!’ he screamed from the doorstep as she raced up the path for the bus.

“Mẹ ơi!” Cậu hét lên từ ngưỡng cửa khi bà chạy vội ra cổng để bắt xe buýt.

‘What is it?’ she shouted back, halting, fumbling in her hand-bag to see if she had her compact She heard the hum of the starting bus and raced again for the gate

“Gì thế?” Bà quay lại hét lên, dừng chân, lục trong túi xách để xem có mang theo phấn phủ không. Bà nghe thấy tiếng xe buýt đang nổ máy và lại vội vã chạy ra cổng.

‘Mummy!’ he shouted again, and went racing up the path after her.

“Me ời!” Cậu lại hét lên và chạy theo bà.

‘Well?’ she yelled, looking out the gate, and then looking back, and then looking out again and putting up her hand to stop the bus.

“Sao?” Bà quát, nhìn ra cổng, rồi ngoảnh lại, rồi lại nhìn ra và giơ tay ra hiệu cho xe buýt dừng.

‘Can’t I go to The Bandits of Sherwood Forest?’

“Con không được đi xem phim ‘Những tên cướp của rừng Sherwood’ à?”

‘No!’ and she was out through the gate and the gate went bang!

“Không!” – và bà đã ra khỏi cổng và cánh cổng đóng sầm lại!

He raced madly up the path and out after her, and clutched her skirt as the brakes whined and the driver glared at her.

Cậu điên cuồng chạy theo, túm lấy váy bà khi phanh xe rít lên và tài xế trừng mắt nhìn bà.

‘Mummy, you promised!’

“Mẹ ơi, mẹ hứa rồi mà!”

She swept his hand away, furious at the public scene, and climbed on the bus. Then, remembering that she had promised and that she must make some excuse, she added from the step of the bus

Bà gạt tay cậu ra, tức giận vì cảnh

tượng này diễn ra trước đám đông, và bước lên xe buýt. Rồi chợt nhớ ra mình đã hứa và phải viện cớ gì đó, bà nói thêm từ bậc lên xe:

‘It’s Lent. Nobody goes to movies in Lent!’

“Đang là Mùa Chay. Mùa Chay không ai đi xem phim cả!”

And the bus went on its way He raced, bawling, after it until her promise and his hopes were swept around the corner The road was empty He collapsed sobbing on the footpath With the sobs his tummy went in and out like an engine He tore penny- leaves from the wall He said all the bad words he knew, which are the same bad words we all know only that he did not know what they meant Lent was foutu! He had already given

up Sweets for Lent Sweets were foutus! He had given them up to be a good little boy Good little boys were all foutus! He Bragged himself up and with one hand he played harp strings of misery along the wall back to the gate. He dragged his feet through the gravel of the path to make tram lines. He scraped with a rusty nail on the new paint of the door. Then he went slowly into the breakfast room, where the morning paper stood up like a tent. Upstairs the vacuum cleaner moaned. A sputter of March rain hit the windows briefly. He saw an aged fly make a smooth landing on the marmalade. His five fingers stole up over it and squashed it into the marmalade. He wiped his fingers all across the tablecloth. Then he surveyed the table in search of something else to do that he ought not to do. The maid stood at the door.

Và chiếc xe buýt chạy đi. Cậu chạy theo, gào khóc, cho đến khi lời hứa của bà và hy vọng của cậu bị cuốn theo khuất góc phố. Con đường vắng tanh. Cậu gục xuống vỉa hè nứt nở. Cơn nứt nở làm bụng cậu hóp vào phình ra như một cỗ máy. Cậu xé những chiếc lá penny (lá trầu bà) trên tường. Cậu nói tất cả những lời tục tĩu mà cậu biết, cũng chính là những lời tục tĩu mà tất cả chúng ta đều biết, chỉ khác là cậu không hiểu chúng có nghĩa gì. Mùa Chay thật là “foutu” (vứt đi)! Cậu đã từ bỏ Kẹo cho Mùa Chay. Kẹo cũng “foutus” (vứt đi)! Cậu đã từ bỏ chúng để trở thành một cậu bé ngoan. Tất cả những cậu bé ngoan đều là ‘foutus’ (vứt đi)! Cậu tự an ủi mình và một tay cậu lướt những sợi dây đàn hạc đau khổ dọc theo bức tường trở lại cổng. Cậu lê chân qua sỏi trên lối đi để tạo thành những đường ray.

Cậu cạo lớp sơn mới trên cánh cửa bằng một cái đinh gỉ. Rồi cậu chậm rãi bước vào phòng ăn sáng, nơi tờ báo buổi sáng dựng lên như một cái lều. Trên lều, máy hút bụi rên rỉ. Một trận mưa rào tháng Ba tạt vào cửa sổ thoáng chốc. Cậu thấy một con ruồi già hạ cánh mượt mà lên mút cam. Năm ngón tay cậu lén lút tiến lại và ấn bẹp nó vào trong mút. Cậu chùi tay lên khắp mặt khăn trải bàn. Rồi cậu quan sát cái bàn để tìm kiếm thứ gì đó khác để làm mà đáng lẽ cậu không nên làm. Người giúp việc đứng ở cửa.

‘Did she let you go?’

“Bà ấy có cho cậu đi không?”

‘No.’

“Không.”

‘Did you do what I told you and ask

God in your prayers last night to make her let you go?’

“Cậu có làm như tôi bảo và cầu xin Chúa trong lời cầu nguyện tối qua để Ngài khiến bà ấy cho cậu đi không?”

‘No.’

“Không.”

‘You couldn’t have luck.’ And she went off for the dustpan.

“Thế thì không thể may mắn được rồi.” Và cô ta đi lấy cái hót rác.

He waited until she had gone upstairs and he heard her swish- swish. Then he said, ‘God is no blooming good!’ with a quick look at the door to be sure that nobody heard that one His eye caught the shine of the ould jug on the sideboard.

His daddy always called it an ould jug; he would say to Mummy, I might as well be talking to that ould jug.' He surveyed the jug for a bit out of the corners of his eyes. Then he looked at the door again, up at the ceiling, back to the door, back to the ould jug. His heart thumped fiercely. He took down the jug - it was pink lustre outside, gold inside flopped down on his knees before it, joined his two sweaty palms, and he put it on the chair He and said, staring earnestly at the pink belly of the jug:

Cậu đợi cho đến khi cô ta đi lên lầu và cậu nghe thấy tiếng *sột soạt* của cô. Rồi cậu nói, “Chúa chẳng tốt đẹp gì cả!” – với một cái liếc nhanh ra cửa để chắc chắn rằng không ai nghe thấy câu đó. Mắt cậu bắt gặp ánh sáng lấp lánh của cái bình cũ (ould jug) trên tủ ly. Bố cậu

luôn gọi nó là cái bình cũ; ông sẽ nói với Mẹ, ‘Nói chuyện với bà còn bằng nói với cái bình cũ này.’ Cậu liếc nhìn cái bình một lúc từ khoe mắt. Rồi cậu lại nhìn ra cửa, lên trần nhà, lại nhìn ra cửa, lại nhìn cái bình cũ. Tim cậu đập thình thịch. Cậu lấy cái bình xuống – bên ngoài là lớp men màu hồng, bên trong mạ vàng – cậu quỵ xuống đầu gối trước nó, chấp hai lòng bàn tay dẫm mồ hôi lại, và đặt nó lên ghế. Cậu nhìn chăm chăm vào cái bụng màu hồng của cái bình và nói:

‘Oh Jug, I adore thee and bless thee. Please, O my good Jug, send me to The Bandits of Sherwood Forest at the Plaza.’

“Ôi Hỡi Bình, con tôn thờ ngài và chúc phúc cho ngài. Làm ơn, Ôi Bình Tốt Lành của con, hãy cho con được đi xem ‘The Bandits of Sherwood Forest’ ở rạp Plaza.”

He looked up at the ceiling and stuck out his tongue. He looked at the jug. He wagged his palms at it swiftly, a dozen times

Cậu ngược nhìn lên trần nhà và thè lưỡi ra. Cậu nhìn cái bình. Cậu vẩy vẩy hai bàn tay vào nó thật nhanh, hàng chục lần.

“Jug, gimme half a dollar.”

“Bình, đưa tao nửa dollar.”

Not a sound but the upstairs swish-swish. He sat back on his heels and considered the jug. He put his nose up to the see himself round and fat; and he blew out a big face to see himself twice as round and fat. Then he bethought himself and kneeled up reverently. He cocked his head on one side and said:

Không một âm thanh nào ngoài tiếng sột soạt trên lều. Cậu ngồi xuống gót chân và ngẫm nghĩ về cái bình. Cậu đưa mũi lại gần để thấy mình tròn và béo; và cậu phồng má ra để thấy mình tròn và béo gấp đôi. Rồi cậu chợt nghĩ ra và quỳ lên một cách thành kính. Cậu nghiêng đầu và nói:

‘Jug?’

“Bình?”

Nothing happened. He grabbed it and shook it and shouted funously:

Chẳng có gì xảy ra. Cậu chộp lấy nó, lắc nó và hét lên giận dữ:

‘JUG !’

“BÌNH!”

The next moment he had his fist in the jug, grubbing excitedly. He pulled out two raffle tickets, a bottle of red pills, a foreign coin, a champagne cork, and a half-crown piece. In two shakes of a lamb's tail he was in the hall, dragging on his blue gaberdine, and out the gate with his skullcap down over one eye, pelting up to the village. Billy Busher was there, floating a tin motorboat in a puddle of water. He yelled, 'Busher, I got half a dollar.' And he hunched up to him, swaggering the silver half crown forward guardedly in his palm. Busher's eyes became as big as half crowns and at once he shouted:

Ngay lập tức, cậu thọc nắm tay vào trong bình, mò mẫm một cách phấn khích. Cậu lôi ra hai tấm vé xổ số, một lọ thuốc viên màu đỏ, một đồng xu ngoại

tê, một nút chai rượu sâm banh, và một đồng nửa crown (half-crown). Chỉ trong nháy mắt, cậu đã ở trong hành lang, xỏ vội chiếc áo khoác gaberdine màu xanh, và ra khỏi cổng với chiếc mũ skullcap chụp xuống một bên mắt, phóng như bay lên phố. Billy Busher đang ở đó, thả một chiếc thuyền máy bằng thiếc trong một vũng nước. Cậu hét, “Busher, tao có nửa dollar.” Và cậu rút cổ lại gần hần, huênh hoang đưa đồng bạc nửa crown bằng bạc ra trong lòng bàn tay một cách thận trọng. Mắt Busher tròn xoe như những đồng nửa crown và ngay lập tức hần hét lên:

‘Bandits of Sherwood Forest?’

“Bandits of Sherwood Forest?”

‘No !’

“không!”

The tin motorboat meant sea, and sand, and roundabouts, and ice cream, and swimming, and holidays.

Chiếc thuyền máy bằng thiếc gọi đến biển, và cát, và vòng quay ngựa gỗ, và kem, và bơi lội, và những ngày nghỉ.

‘Busher, come on and we’ll go down to the seaside.’

“Busher, lại đây chúng ta sẽ xuống bãi biển.”

They marched off down the hill to the station. A cab driver’s erect whip floated over his shoulder like a single strand of hair. The station was empty; there would not be a train for an hour and five minutes. They were content wandering about the plat forms, watching a goods train shunting, its steam blowing about

them, or they jumped up and down on the weighing machine, and they played with an idle truck. Their tickets cost tenpence each, which left tenpence for grub. They worked it out that they could spend fourpence on ice cream and sixpence on lemonade, cakes, and sweets. They tried to buy ice cream at the bookstall, but the woman gave them a sour look, pulled her scarf more tightly around her chest, and sold them a packet of cough lozenges for twopence: coffee-coloured things, hexagonal, flat, stamped Mother Markey's Marvels. They had a rotten taste, like bad licorice. They stuck them with a quick suck to the windows of the carriage.

Chúng kéo nhau xuống đồi ra ga. Cây roi thẳng đứng của người đánh xe ngựa nhô lên trên vai như một sợi tóc. Nhà ga vắng tanh; sẽ không có chuyến tàu

nào trong một giờ năm phút nữa. Chúng mãi nguyên đi lang thang trên các sân ga, ngắm một đoàn tàu chở hàng đang xếp lại toa, hơi nước tỏa ra quanh chúng, hoặc chúng nhảy lên nhảy xuống trên cái cân, và chơi với một toa tàu nhàn rỗi. Vé tàu của chúng tốn mười xu mỗi đứa, vậy còn lại mười xu để ăn vặt. Chúng tính toán là có thể tiêu bốn xu cho kem và sáu xu cho nước chanh, bánh ngọt và kẹo. Chúng định mua kem ở quầy sách báo, nhưng người phụ nữ ném cho chúng một cái nhãn mặt, kéo chặt chiếc khăn quàng quanh ngực hơn, và bán cho chúng một gói viên ngậm ho giá hai xu: những thứ màu cà phê, hình lục giác, dẹt, in chữ *Mother Markey's Marvels*. Chúng có vị kinh tởm, như cam thảo hỏng. Chúng dán chúng, sau một cái liếm nhanh, lên cửa kính toa tàu.

Long before they came within sight of the sta they said they cool, damp, deep, salty, spummy, windy, maring; the big green animal of the sea that opens up long white jaws to swallow you up with a swoosh and a roar, but you always run away from it just in time, jumping on the wet sand, shrieking and laughing, and then you run in after it until another long white mouth curls up its jaws to eat you up and spit you out and you run away shrieking again. In their joy and terror of the millions of long white mouths they climbed on the dusty seats of the carriage, and clawed the glass, and hunched their shoulders and hissed at one another like geese. They clung their cheeks sideways to the windows in order to be, each, the first one to shout, ‘I see it!’

Lâu trước khi chúng trông thấy biển, chúng đã nói về nó: mát lạnh, ẩm ướt, sâu thẳm, mặn, bọt sóng, gió, biển cả; con thú xanh lớn của biển khơi há ra những chiếc hàm trắng dài để nuốt chửng bạn với một tiếng vút và một tiếng gầm, nhưng bạn luôn chạy thoát khỏi nó vừa kịp lúc, nhảy lên trên cát ướt, hét lên và cười, và rồi bạn lại chạy đuổi theo nó cho đến khi một cái miệng trắng dài khác cuộn những chiếc hàm lên để ăn thịt bạn và nhổ bạn ra và bạn lại chạy thoát hét lên. Trong niềm vui sướng và khiếp sợ trước hàng triệu cái miệng trắng dài ấy, chúng trèo lên những chiếc ghế bụi bặm của toa tàu, và cào vào kính, và nhún vai và rít vào nhau như những con ngỗng. Chúng áp má vào cửa sổ để mỗi đứa là người đầu tiên hét lên, “Tao thấy nó rồi!”

When the train stopped they were jolted onto the floor. They scrambled up and out, and galloped ahead of the only two other travellers, who drove off into the town on a sidecar, collars up. When they reached the embankment above the station they were blown back on their heels by the wind. They held on to their caps, coats flapping, bodies bumping, looking at the waves thundering on the groaning gravel, and the dust of the waves in the wind, and every cement-fronted villa boarded up and shiny in the spume and the sun.

Khi tàu dừng, chúng bị hất văng xuống sàn. Chúng bò dậy và chạy ra ngoài, phi nước đại vượt lên trước hai hành khách duy nhất khác, những người đã đi vào thị trấn trên một chiếc xe ngựa hai bánh, cổ áo dựng lên. Khi chúng đến

được bờ kè phía trên ga, chúng bị cơn gió thổi ngã người về phía sau. Chúng giữ chặt mũ, áo khoác bay phần phật, người va vào nhau, nhìn những con sóng đang ào ạt vỗ vào sỏi đá rên rỉ, và bụi nước từ những con sóng trong gió, và mỗi biệt thự mặt tiền xi măng đều đóng cửa cài then và lấp lánh trong bọt biển và ánh nắng.

‘Come on away up to the merry-go-rounds,’ he screamed, and they ran for the end of the prom and the hillock beyond it where the roundabouts always stood. All they found was a circle of cinders and big pools of water snaked with petrol. When his cap blew into one of those greasy pools he laughed loudly, and Busher laughed loudly, and for fun threw his own cap into another pool. At that they both laughed like mad.

“Đi lên chỗ vòng quay ngựa gỗ thôi,” cậu hét lên, và chúng chạy về phía cuối đường ven biển và ngọn đồi nhỏ phía sau nó, nơi những vòng quay ngựa gỗ thường đứng. Tất cả những gì chúng tìm thấy là một vòng tròn tro tàn và những vũng nước lớn lấp lánh vệt dầu loang. Khi mũ của cậu bay vào một trong những vũng dầu mỡ đó, cậu cười to, và Busher cũng cười to, và cho vui, ném cả mũ của mình vào một vũng khác. Thế là cả hai cùng cười như điên.

‘Come on away up to the ould Crystal Café,’ Busher shouted into his ear, ‘and we’ll buy the ould lemonade.’

“Đi lên quán cà phê Crystal cũ thôi,” Busher hét vào tai cậu, “và chúng ta sẽ mua nước chanh cũ.”

They raced one another around the broken wall and up the steps to the upper road, shoving, falling over one another. In the window of the café was a big yellow-and-black notice TO LET A rain squall blasted down on them out of the purple sky. For a while they hugged back into the shelter of the café porch.

Chúng đua nhau chạy vòng qua bức tường đổ và lên các bậc thang lên con đường phía trên, xô đẩy, vấp ngã lên nhau. Trong cửa sổ quán cà phê là một tấm bảng lớn màu vàng và đen: CHO THUÊ. Một trận mưa rào trút xuống chúng từ bầu trời tím ngắt. Một lúc, chúng co ro nép vào mái hiên của quán cà phê để trú.

Then Busher said in a flat voice:

‘It’s all a blooming suck-in.’

Rồi Busher nói bằng giọng chán nản:

“Toàn là trò lừa bịp thôi.”

When the rain stopped they went slowly to the big tin shelter beside the railway restaurant; it was wide open to the front so that halfway in across its concrete was wet with the rain. They bought one bottle of lemonade in the restaurant and took it out to the long beach of the shelter, and had every second slug out of the bottle. They got one laugh out of that, when the fizz choked Busher's nose. Every few seconds the tin roofs squeaked above the kettledrums of another down-pour. At last Busher said:

Khi mưa tạnh, chúng lững thững đi đến cái mái che bằng tôn lớn bên cạnh nhà hàng đường sắt; nó mở rộng ra phía trước nên nửa trong sàn bê tông của nó

bị ướt vì mưa. Chúng mua một chai nước chanh trong nhà hàng và mang ra chỗ mái che dài như bãi biển, và uống từng ngụm một từ cái chai. Chúng có được một trận cười từ chuyện đó, khi ga sỏi bột làm Busher sặc lên mũi. Cứ vài giây, những mái tôn lại kêu cọt két trên nền trống trận của một cơn mưa rào khác. Cuối cùng Busher nói:

‘You and your shaggin’ ould cough lozenges!’

“Cậu và những viên ngậm ho tồi tàn của cậu!”

Calvert did not say anything.

Calvert không nói gì.

‘If we had that tuppence now we could buy a cake,’

“Nếu bây giờ còn đồng hai xu đó, chúng ta đã có thể mua một cái bánh ngọt.”

Calvert did not reply.

Calvert không trả lời.

You and your swimming!’ Busher snarled. ‘You and your merry-go-rounds! Why didn’t you come to The Bandits of Sherwood Forest when I asked you?’

“Cậu và chuyện bơi lội của cậu!” Busher gầm gừ. “Cậu và những vòng quay ngựa gỗ của cậu! Sao lúc đó cậu không đi xem *The Bandits of Sherwood Forest* khi tao hỏi?”

Calvert said nothing to that either.

Calvert cũng chẳng nói gì về chuyện đó.

Tm going home,’ said Busher and walked off to the station. Calvert watched him go away. After a few minutes his heart rose – Busher was coming back.

“Tao về nhà đây,” Busher nói và bỏ đi về phía ga. Calvert nhìn hắn bỏ đi. Sau vài phút, tim cậu nhảy lên – Busher đang quay lại.

‘There’s no train,’ Busher started to wail, ‘until nine o’clock. There’s only two trains a day in the winter’ His wail broke into a shameless bawling. You’re after getting me into a nice fix. My da will leather hell out of me when he catches me home.’ Calvert looked at him in silence.

“Không có tàu,” Busher bắt đầu rên rỉ, “cho đến chín giờ. Mùa đông chỉ có hai chuyến tàu một ngày thôi.” Tiếng rên rỉ của hắn biến thành tiếng khóc nức nở

không biết xấu hổ. “Cậu đã đẩy tao vào một tình thế đẹp đẽ đấy. Bố tao sẽ nện cho tao một trận thừa sống thiếu chết khi ông bắt được tao về nhà.” Calvert nhìn hắn trong im lặng.

‘And where did you get that half dollar anyway?’ Busher charged. I bet you stole it from your ma.’

“Và cậu lấy đồng nửa dollar đó ở đâu vậy?” Busher chất vấn. “Tao cá là cậu ăn cắp từ mẹ cậu.”

Calvert told him. Busher stopped snivelling.

Calvert kể cho hắn nghe. Busher ngừng sụt sịt.

‘Gawd! Calvert! You’re after praying to the divil. You’ll be damned for a-a-all E-eternity !’

“Chúa ơi! Calvert! Cậu vừa cầu nguyện với ma quỷ đấy. Cậu sẽ bị nguyên rủa cho đời đời kiếp kiếp! (E-eternity!)”

And he tore out his railway ticket and flung it in terror on the concrete and ran bawling out into the rain. He ran and ran, down into the streets of the town, where, taking thought desperation, he made his way to the bus stop, told a sad yarn to the driver and the conductor, and got carried home, gratis and in good time.

Và hắn giật vé tàu của mình ra và ném nó trong khiếp sợ xuống sàn bê tông và chạy òa khóc ra ngoài mưa. Hắn chạy và chạy, xuống những con phố của thị trấn, nơi, sau khi suy nghĩ trong tuyệt vọng, hắn tìm đến điểm dừng xe buýt, kể một câu chuyện buồn cho tài xế và người soát vé, và được chở về nhà, miễn phí và

đúng giờ.

The rain hammered the convex roof; the wind rattled its bones, bits of paper went whispering around the corners like mice; the gutters spilled, the light faded. He heard the drums of the high tide pounding the beach. Twice he went out looking for Busher. He returned each time with his hair plastered down his forehead. At six o'clock the woman in charge of the restaurant came out, locked up, and saw him in the dim corner of the shelter. She came over to him, found him shivering, and told him to take shelter in the waiting room of the station.

Mưa đập xuống mái tôn lồi; gió rung lên những khung xương của nó, những mảnh giấy thì thầm quanh các góc như những con chuột; máng xối tràn nước, ánh sáng nhạt dần. Cậu nghe thấy tiếng

trống của con nước lớn đang đập vào bãi biển. Hai lần cậu đi ra ngoài tìm Bush-er. Mỗi lần trở về, tóc cậu dính ướt rết xuống trán. Lúc sáu giờ, người phụ nữ phụ trách nhà hàng đi ra, khóa cửa, và nhìn thấy cậu trong góc tối của mái che. Bà đến chỗ cậu, thấy cậu đang run rẩy, và bảo cậu vào trú trong phòng chờ của nhà ga.

Nobody had bothered to light the room. There was nothing there but a pine table, two benches, an empty grate, and a poster showing the Bay of Naples. It was so dark that he saw only the table and the poster whenever the eye of the lighthouse beam from Pitch Point looked in through the misted window. He sat there until nearly nine o'clock, not daring to stir, watching and watching for that peering eye.

Chẳng ai thềm thấp đèn căn phòng. Chẳng có gì ở đó ngoài một cái bàn gỗ thông, hai chiếc ghế dài, một lò sưởi trống không, và một tấm áp phích vịnh Naples. Trời tối đến mức cậu chỉ nhìn thấy cái bàn và tấm áp phích mỗi khi ánh mắt của ngọn hải đăng từ Pitch Point nhìn vào qua cửa sổ mờ sương. Cậu ngồi đó cho đến gần chín giờ, không dám nhúc nhích, nhìn chăm chăm chờ đợi con mắt nhòm ngó đó.

When he got home his father rushed at him and shouted at him to know where the blazes he had been, and his mother was crying, but when they saw the cut of him they stopped. His mummy and the maid got a hot bath ready for him before the fire, and his da called him 'old man' and undressed him on the warm hearthrug, and his mummy brought him

in hot chocolate, and for the first time that day he suddenly began to cry. As he sat in the hot bath and his mummy soaped him they asked him again what had happened to him, and they were so nice about it that he began to bawl and he told them all about the ould jug. His daddy, first, and then his mummy and the maid burst into peal upon peal of laughter, while he sat there in the hot water, holding his mug of chocolate, bawling at the cruelty of everything and everybody who ever had anything to do with him since the day he was born.

Khi cậu về đến nhà, bố cậu xông đến và quát cậu xem cậu đã ở chỗ chết tiệt nào, và mẹ cậu đang khóc, nhưng khi họ thấy tình trạng thảm hại của cậu, họ dừng lại. Mẹ cậu và người giúp việc chuẩn bị cho cậu một bồn tắm nóng

trước lò sưởi, và bố cậu gọi cậu là ‘cụ già’ và cởi đồ cho cậu trên tấm thảm lò sưởi ấm áp, và mẹ cậu mang cho cậu sô-cô-la nóng, và lần đầu tiên trong ngày hôm đó, cậu bỗng nhiên bật khóc. Khi cậu ngồi trong bồn tắm nóng và mẹ cậu kỳ cọ cho cậu, họ lại hỏi cậu chuyện gì đã xảy ra, và họ tốt bụng đến mức cậu bắt đầu gào khóc và kể cho họ nghe tất cả về cái bình cũ. Đầu tiên là bố cậu, rồi đến mẹ cậu và người giúp việc bật cười phá lên, từng tràng dài, trong khi cậu ngồi đó trong nước nóng, cầm cốc sô-cô-la, gào khóc về sự tàn nhẫn của tất cả mọi thứ và mọi người từng dính dáng đến cậu kể từ ngày cậu được sinh ra.

